

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và
nợ chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Ông Nông Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hà Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về vụ xin ly hôn; tranh chấp nuôi con và tài sản chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bé Thị C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Dương Công X, (tên gọi khác Dương Văn X) sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện B tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ Đ, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ: Khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số 81/UQ-NHCS ngày 29/7/2019). Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bé Thị C trình bày:

Chị Bé Thị C xây dựng gia đình với anh Dương Công X vào năm 1996, trước khi xây dựng gia đình anh chị được tự do tìm hiểu, đến năm 2005 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Dương Công X không chịu tu chí làm ăn, hay đi uống rượu, chơi cờ bạc, nhiều lần về xin tiền chị, chị không có tiền cho thì chửi và đánh chị. Hiện nay vợ chồng chị mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi chửi và đánh nhau, vì vậy bản thân không còn tình cảm vợ chồng với anh X nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 người con chung tên là Dương Ngọc Á, sinh ngày 09/5/1998; Dương Thị Thanh N, sinh ngày 01/3/2000 và Dương Công T, sinh ngày 11/10/2005. Khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Công T đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Dương Công X phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với 02 con là Dương Ngọc Á và Dương Thị Thanh N hiện nay đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị C ở nhà làm nông nghiệp mức thu nhập khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đồng một tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Vợ chồng chị C và anh X nợ Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc. Khi ly hôn chị C yêu cầu mỗi người trả một nửa số nợ trên. Cụ thể chị C có trách nhiệm trả 19.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc; anh Dương Công X có trách nhiệm trả 19.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc.

Tại phiên tòa anh Dương Công X vắng mặt, tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai tại Tòa án và biên bản hòa giải ngày 14/8/2019, bị đơn anh Dương Công X trình bày:

Anh Dương Công X xây dựng gia đình với chị Bé Thị C vào cuối năm 1996, trước khi xây dựng gia đình anh chị được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 11/8/2005, vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Hiện nay mặc dù vợ chồng vẫn ở

chung cùng nhà với nhau, nhưng vẫn hay cãi chửi và đánh nhau. Hiện nay chị Bé Thị C yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 người con chung tên là Dương Ngọc Á, sinh ngày 09/5/1998; Dương Thị Thanh N, sinh ngày 01/3/2000 và Dương Công T, sinh ngày 11/10/2005. Khi ly hôn anh X không nhất trí với yêu cầu của chị Bé Thị C, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Công T đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Bé Thị C phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con là Dương Ngọc Á và Dương Thị Thanh N hiện nay đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh X làm nghề nông nghiệp, mức thu nhập hàng tháng từ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đến 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Vợ chồng anh có nợ Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc. Khi ly hôn anh X nhất trí mỗi người trả một nửa số nợ trên. Cụ thể anh X có trách nhiệm trả 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) tiền gốc và chị Bé Thị C có trách nhiệm trả 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội, ông Trần Sỹ Đ trình bày:

Hiện nay vợ chồng chị Bé Thị C và anh Dương Công X còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội 02 món vay (Món vay 1: Vay chương trình hộ nghèo 50 triệu, thời hạn vay 05 năm, từ ngày 19/8/2015 đến ngày 14/8/2020, ngày 14/6/2019 đã trả được 20 triệu, còn nợ 30 triệu. Món vay 2: Vay chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm, từ ngày 10/12/2010 đến ngày 17/12/2020). Tổng cả 02 món vay hiện nay vợ chồng chị C và anh X còn nợ Ngân hàng chính sách là 38.000.000 đồng. Do sau khi ly hôn chị Bé Thị C và anh Dương Công X vẫn cư trú tại Thôn Đ, xã T, huyện B nên phía Ngân hàng chính sách nhất trí với yêu cầu của chị Bé Thị C là khi ly hôn chị C và anh X mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách một phần nợ, cụ thể mỗi người có trách nhiệm trả 19.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh, thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay vốn đã ký với Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Bé Thị C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công X chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bé Thị C được ly hôn với anh Dương Công X. Về con chung giao con chung là cháu Dương Công T cho chị Bé Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Bé Thị C và anh Dương Công X mỗi người có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 19.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Về án phí chị Bé Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bé Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công X có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công X chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Dương Công X đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Công X.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bé Thị C và anh Dương Công X là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11/8/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Bé Thị C và anh Dương Công X là hợp pháp. Quá trình chung sống cả hai anh chị đều cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X hay đi uống rượu, chơi cờ bạc về bất đồng quan điểm nên thường xuyên chửi và đánh nhau.

Cả chị C và anh X đều cho rằng mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhưng vẫn hay chửi và đánh nhau nên chị không còn tình cảm với anh X nữa, quá trình giải quyết vụ án anh X cũng nhất trí ly hôn với chị.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của chị C và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án chị Bé Thị C và anh Dương Công X đều nhất trí thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa anh Dương Công X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé Thị C, xử cho chị Bé Thị C được ly hôn với anh Dương Công X.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị C và anh X có 03 người con chung tên là Dương Ngọc Á, sinh ngày 09/5/1998; Dương Thị Thanh N, sinh ngày 01/3/2000 và Dương Công T, sinh ngày 11/10/2005. Khi ly hôn cả chị C và anh X đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Công T đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi cháu Dương Công T, tuy nhiên do cháu Dương Công T đã được trên 07 nên ngày 01/8/2019 Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu Tin và cháu có nguyện vọng ở với mẹ là chị Bé Thị C. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Dương Công T cho chị Bé Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Tin đủ 18 tuổi, anh Dương Công X không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị C không yêu cầu; anh X có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với 02 con chung là Dương Ngọc Á và Dương Thị Thanh N hiện nay đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng, cả chị Bé Thị C và anh Dương Công X đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Cả chị Bé Thị C và anh Dương Công X đều trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng chị Bé Thị C và anh Dương Công X còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội 02 món vay, tổng cộng cả hai món vay là 38.000.000 đồng, hiện nay vẫn chưa đến thời hạn thanh toán. Do sau khi ly hôn chị Bé Thị C và anh Dương Công X vẫn cư trú tại Thôn Đ, xã T, huyện B nên Ngân hàng chính sách nhất trí với yêu cầu của chị Bé Thị C. Vì vậy, căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, khi ly hôn chị Bé Thị C và anh Dương Công X mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội một phần nợ, cụ thể mỗi người có trách nhiệm thanh toán 19.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh, thời hạn thanh toán theo Hợp đồng vay vốn ngày 10/12/2010 và ngày 19/8/2015.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bé Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bé Thị C được ly hôn với anh Dương Công X (Dương Văn X).

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bé Thị C về quyền nuôi con, giao con chung là Dương Công T, sinh ngày 11/10/2005 cho chị Bé Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Dương Công X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương Công X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Bé Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh; anh Dương Công X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh; thời hạn thanh toán theo Hợp đồng vay vốn ngày 10 tháng 12 năm 2010 và ngày 19 tháng 8 năm 2015.

5. Về án phí: Chị Bé Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Bé Thị C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000199 ngày 16/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bé Thị C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Công

X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc